

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
QUÝ 2 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT**  
**YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>647,036,039,841</b>	<b>733,988,685,438</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>126,902,042,856</b>	<b>96,400,642,547</b>
1. Tiền	111		59,324,735,481	54,397,577,910
2. Các khoản tương đương tiền	112		67,577,307,375	42,003,064,637
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>252,107,764,112</b>	<b>274,451,598,113</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	233,388,857,149	257,842,876,906
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8,625,326,279	15,459,219,554
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	8,000,000,000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2,093,580,684	1,149,501,653
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>264,522,420,680</b>	<b>356,191,299,882</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	264,522,420,680	356,191,299,882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,503,812,193</b>	<b>6,945,144,896</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2,625,949,118	1,650,312,494
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	877,863,075	5,294,832,402
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>164,610,867,176</b>	<b>157,581,467,673</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>343,000,000</b>	<b>351,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	343,000,000	351,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>108,282,879,471</b>	<b>62,831,060,001</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	102,847,308,471	57,395,489,001
- Nguyên giá	222		219,887,385,272	166,109,279,311
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117,040,076,801)	(108,713,790,310)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5,435,571,000	5,435,571,000
- Nguyên giá	228		5,660,571,000	5,660,571,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(225,000,000)	(225,000,000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>9,508,212,943</b>	<b>56,230,373,509</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	9,508,212,943	56,230,373,509
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46,476,774,762</b>	<b>38,169,034,163</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	46,476,774,762	38,169,034,163
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>811,646,907,017</b>	<b>891,570,153,111</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>455,015,677,905</b>	<b>493,423,676,573</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>455,015,677,905</b>	<b>493,423,676,573</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	182,050,869,555	240,581,644,095
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	292,971,018	427,401,238
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	10,893,387,737	11,162,014,691
4. Phải trả người lao động	314	V.14	27,270,609,922	75,244,944,458
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	13,856,505,753	8,400,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	75,593,054,192	4,362,712,140
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	131,812,477,882	144,446,949,639
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	13,245,801,846	8,798,010,312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>356,631,229,112</b>	<b>398,146,476,538</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>356,629,840,018</b>	<b>398,145,087,444</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	3,350,161,370	3,350,161,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	78,459,873,841	58,010,421,630
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	44,819,804,807	106,784,504,444
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		4,975,680,914	106,784,504,444
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		39,844,123,893	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1,389,094</b>	<b>1,389,094</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	1,389,094	1,389,094
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>811,646,907,017</b>	<b>891,570,153,111</b>

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 7 năm 2024

Phạm Thị Duy Trinh  
Kế toán trưởng

Phan Thị Giang  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Khoa Bảo  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	471,489,615,051	488,997,055,798	832,640,933,225	1,124,384,373,799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	9,000,000,000	-	24,001,541,747
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		471,489,615,051	479,997,055,798	832,640,933,225	1,100,382,832,052
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	376,593,816,661	381,274,297,829	664,810,452,223	891,842,568,531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94,895,798,390	98,722,757,969	167,830,481,002	208,540,263,521
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	475,246,920	1,400,435,509	777,503,818	3,128,198,290
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1,134,697,633	2,049,545,165	3,289,262,003	4,312,155,632
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,134,697,633	1,252,438,673	2,557,324,069	3,358,445,629
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	49,237,712,288	40,163,878,298	79,266,483,800	89,442,578,699
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18,644,365,412	21,685,648,401	36,115,728,271	44,560,267,436
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26,354,269,977	36,224,121,614	49,936,510,746	73,353,460,044
12. Thu nhập khác	31	VI.8	263,580,551	1,425,694,896	474,384,756	1,580,567,617
13. Chi phí khác	32	VI.9	152,846,725	2,532,806,385	181,694,739	2,535,051,833
14. Lợi nhuận khác	40		110,733,826	(1,107,111,489)	292,690,017	(954,484,216)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26,465,003,803	35,117,010,125	50,229,200,763	72,398,975,828
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	5,369,174,962	8,616,414,068	10,122,014,354	15,902,980,248
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>21,095,828,841</u>	<u>26,500,596,057</u>	<u>40,107,186,409</u>	<u>56,495,995,580</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>21,095,828,841</u>	<u>26,500,596,057</u>	<u>40,107,186,409</u>	<u>56,495,995,580</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>701</u>	<u>1,152</u>	<u>1,526</u>	<u>2,145</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>701</u>	<u>1,152</u>	<u>1,526</u>	<u>2,145</u>

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 7 năm 2024

Phạm Thị Duy Trinh  
Kế toán trưởngPhan Thị Giang  
Tổng Giám đốcNguyễn Khoa Bảo  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50,229,200,763	72,398,975,828
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	8,326,286,491	6,553,992,943
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(157,126,878)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(592,746,394)	(3,128,198,290)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	2,557,324,069	3,358,445,629
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60,362,938,051	79,183,216,110
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26,948,255,399	(77,734,602,674)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	91,668,879,202	163,367,619,182
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(95,885,737,354)	(50,203,155,320)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7	(9,283,377,223)	5,405,364,003
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(2,557,324,069)	(3,237,028,765)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(6,609,469,568)	(15,949,844,016)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	19,800,000	150,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(7,964,442,301)	(12,916,963,633)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>56,699,522,137</b>	<b>88,064,604,887</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6,384,977,473)	(33,018,176,668)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.4	(8,000,000,000)	(20,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5,374,925,528
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4, V.5a	592,746,394	2,494,335,277
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(13,792,231,079)</b>	<b>(45,148,915,863)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	294,071,106,077	320,811,567,002
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(306,705,577,834)	(285,513,846,272)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(68,540,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12,634,471,757)</b>	<b>(33,242,279,270)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>30,272,819,301</b>	<b>9,673,409,754</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>96,400,642,547</b>	<b>120,074,600,791</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	228,581,008	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>126,902,042,856</b>	<b>129,748,010,545</b>

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 7 năm 2024

  
Phạm Thị Duy Trinh  
Kế toán trưởng

  
Phan Thị Giang  
Tổng Giám đốc

  
  
Nguyễn Khoa Bảo  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Người đại diện theo pháp luật

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này giảm so với kỳ trước chủ yếu do sản lượng bán giảm.

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Tất cả các Công ty con đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 6a. Thông tin về cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

##### 6b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Vĩnh Cát, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa	Lô NM5, NM6 đường số 1, cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam	Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến

Tỷ lệ đăng ký vốn góp tại các công ty con này là 100%. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tương ứng tỷ lệ vốn góp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Nguyên liệu Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Lô TP4, cụm công nghiệp Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

## *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, không có tổ chức kế toán*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Yến sào Vĩnh Diễm Trung - Nha Trang – Khánh Hòa kiêm Văn phòng đại diện	Lô 7-9 đường A1, 84 đường B1, khu đô thị Vĩnh Diễm Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng số 18 Thái Nguyên – Nha Trang – Khánh Hòa	Số 18 Thái Nguyên, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng số 68 Hoàng Diệu - Nha Trang	Số 68 Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest	Số 14 Trần Hưng Đạo, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

## **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

## **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 1.261 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.092 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



# **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### **Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

## ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

## ***Chi phí thuê mặt bằng***

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

## ***Chi phí sửa chữa tài sản***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

## **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 20
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08
Tài sản cố định khác	06

## **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

## *Quyền sử dụng đất.*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn đến năm 2048. Tập đoàn không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

## *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

## **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **12. Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.743.838.061	6.665.820.109
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.580.897.420	47.731.757.801
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	67.577.307.375	42.003.064.637
<b>Cộng</b>	<b><u>126.902.042.856</u></b>	<b><u>96.400.642.547</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>146.586.817.378</i>	<i>120.236.014.004</i>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	145.744.865.536	113.506.902.187
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	636.212.340	52.434.000
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	51.763.254	3.182.603.173
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	141.187.968	136.763.208
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	12.788.280	2.433.133.620
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	-	924.177.816
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>86.802.039.771</i>	<i>137.606.862.902</i>
Các khách hàng khác	86.802.039.771	137.606.862.902
<b>Cộng</b>	<b><u>233.388.857.149</u></b>	<b><u>257.842.876.906</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng CIC	3.689.396.500	11.968.116.944
Công ty TNHH MTV Thiết bị PCCC&CNCH Khánh Hòa	2.478.000.000	1.878.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.457.929.779	1.613.102.610
<b>Cộng</b>	<b><u>8.625.326.279</u></b>	<b><u>15.459.219.554</u></b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Số dư cuối kỳ là khoản cho Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa vay, thời gian cho vay từ ngày 21/6/2024 đến ngày 05/7/2024, lãi suất cho vay là 3%/năm.

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	1.318.025.697	-	590.098.032	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	74.927.177	-	77.856.857	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	700.627.810	-	481.546.764	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.093.580.684</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.149.501.653</u></b>	<b><u>-</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác.

#### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	171.763.948.014	-	182.269.255.095	-
Công cụ, dụng cụ	40.842.498.768	-	105.816.034.720	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.837.791.735	-	3.970.799.490	-
Thành phẩm	20.502.905.696	-	32.796.729.478	-
Hàng hóa	26.086.919.717	-	24.379.915.988	-
Hàng gửi đi bán	3.488.356.750	-	6.958.565.111	-
<b>Cộng</b>	<b>264.522.420.680</b>	<b>-</b>	<b>356.191.299.882</b>	<b>-</b>

#### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	2.591.545.451	1.605.961.359
Chi phí công cụ, dụng cụ	34.403.667	44.351.135
<b>Cộng</b>	<b>2.625.949.118</b>	<b>1.650.312.494</b>

##### 7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh	20.556.499.262	25.302.307.128
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.530.491.505	4.927.718.515
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	16.261.173.714	3.052.671.569
Chi phí sửa chữa tài sản	4.128.610.281	4.886.336.951
<b>Cộng</b>	<b>46.476.774.762</b>	<b>38.169.034.163</b>

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	24.893.272.156	117.072.628.538	21.938.464.732	2.010.713.885	194.200.000	166.109.279.311
Mua trong kỳ	-	235.744.444	388.000.000	42.297.980	-	666.042.424
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	42.013.209.143	10.697.645.303	-	401.209.091	-	53.112.063.537
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>66.906.481.299</b>	<b>128.006.018.285</b>	<b>22.326.464.732</b>	<b>2.454.220.956</b>	<b>194.200.000</b>	<b>219.887.385.272</b>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	10.034.226.287	38.970.430.634	13.722.969.332	499.961.167	70.000.000	63.297.587.420
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	15.376.622.917	75.480.322.101	16.874.931.633	813.343.655	168.570.004	108.713.790.310
Khấu hao trong kỳ	1.854.142.521	5.674.323.838	638.784.568	139.615.574	19.419.990	8.326.286.491
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.230.765.438</b>	<b>81.154.645.939</b>	<b>17.513.716.201</b>	<b>952.959.229</b>	<b>187.989.994</b>	<b>117.040.076.801</b>

Giá trị còn lại



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	9.516.649.239	41.592.306.437	5.063.533.099	1.197.370.230	25.629.996	57.395.489.001
Số cuối kỳ	<u>49.675.715.861</u>	<u>46.851.372.346</u>	<u>4.812.748.531</u>	<u>1.501.261.727</u>	<u>6.210.006</u>	<u>102.847.308.471</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5.435.571.000	225.000.000	5.660.571.000
Số cuối kỳ	<u>5.435.571.000</u>	<u>225.000.000</u>	<u>5.660.571.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	225.000.000	225.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	225.000.000	225.000.000
Số cuối kỳ	-	<u>225.000.000</u>	<u>225.000.000</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	5.435.571.000	-	5.435.571.000
Số cuối kỳ	<u>5.435.571.000</u>	-	<u>5.435.571.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang – Công trình Nhà máy tại cụm công nghiệp Sông Cầu	56.230.373.509	21.749.672.192	(53.112.063.537)	(15.359.769.221)	9.508.212.943
Sửa chữa tài sản cố định	-	327.251.703	-	(327.251.703)	-
<b>Cộng</b>	<u>56.230.373.509</u>	<u>22.076.923.895</u>	<u>(53.112.063.537)</u>	<u>(15.687.020.924)</u>	<u>9.508.212.943</u>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>30.058.475.069</b>	<b>22.739.300.457</b>
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	19.881.277.647	18.554.249.161
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	1.878.046.064	2.832.277.440
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	7.472.000	864.000.000
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà	5.072.000	270.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
hàng Yến sào Khánh Hòa		
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	26.117.000	5.700.000
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	362.465.223	191.242.106
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	7.898.025.135	21.831.750
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>151.992.394.486</b>	<b>217.842.343.638</b>
Các nhà cung cấp khác	151.992.394.486	217.842.343.638
<b>Cộng</b>	<b>182.050.869.555</b>	<b>240.581.644.095</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Vinh Thắng	52.705.927	36.001.819
Các khách hàng khác	240.265.091	391.399.419
<b>Cộng</b>	<b>292.971.018</b>	<b>427.401.238</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Hoàn thuế	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.241.676.925	-	35.467.685.252	(36.004.019.116)	-	9.705.343.061	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.472.990.641	(2.472.990.641)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	24.677.193	(24.677.193)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	920.337.766	3.245.797.876	10.122.974.354	(6.609.469.568)	-	1.188.044.676	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.049.034.526	878.278.678	(7.210.864.466)	7.503.757.239	-	877.863.075
Thuế tài nguyên	-	-	70.695.400	(70.695.400)	-	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	16.000.000	(16.000.000)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.162.014.691</b>	<b>5.294.832.402</b>	<b>49.053.301.518</b>	<b>(52.408.716.384)</b>	<b>7.503.757.239</b>	<b>10.893.387.737</b>	<b>877.863.075</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Hàng xuất khẩu : 0%
- Đường phèn, đường kết tinh, nước sạch : 5%
- Hàng hóa khác : 10%

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023.

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Thuế tài nguyên*

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 5.000 VND/m<sup>3</sup>, thuế suất 5%.

#### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### 14. Phải trả người lao động

Số cuối kỳ là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả thưởng	9.986.422.890	4.800.000.000
Chi phí vận chuyển	3.870.082.863	3.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>13.856.505.753</u></b>	<b><u>8.400.000.000</u></b>

#### 16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b><u>35.336.277.000</u></b>	<b><u>62.200.000</u></b>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa – Cổ tức phải trả	35.307.300.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	28.977.000	62.200.000
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b><u>40.256.777.192</u></b>	<b><u>4.300.512.140</u></b>
Tài sản thừa chờ xử lý	21.544.000	3.905.076.880
Kinh phí công đoàn	4.354.657.852	3.905.076.880
Bảo hiểm xã hội	13.799.795	17.033.375
Cổ tức phải trả	33.922.700.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.944.075.545	378.401.885
<b>Cộng</b>	<b><u>75.593.054.192</u></b>	<b><u>4.362.712.140</u></b>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang <sup>(i)</sup>	44.962.194.808	46.614.224.189
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa <sup>(ii)</sup>	67.631.238.256	91.299.974.813
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa <sup>(iii)</sup>	19.219.044.818	6.532.750.637
<b>Cộng</b>	<b><u>131.812.477.882</u></b>	<b><u>144.446.949.639</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 4 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	144.446.949.639
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	294.071.106.077
Số tiền vay đã trả trong kỳ	<u>(306.705.577.834)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>131.812.477.882</u></b>

### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Nhận khen thưởng</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.939.199.744	10.356.257.364	19.800.000	(6.874.505.301)	10.440.751.807
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.858.810.568	2.036.176.471	-	(1.089.937.000)	2.805.050.039
<b>Cộng</b>	<b><u>8.798.010.312</u></b>	<b><u>12.392.433.835</u></b>	<b><u>19.800.000</u></b>	<b><u>(7.964.442.301)</u></b>	<b><u>13.245.801.846</u></b>

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu kỳ trước	230.000.000.000	3.350.161.370	36.796.436.708	107.295.723.155	377.442.321.233
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(68.540.000.000)	(68.540.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(10.080.377.932)	(10.080.377.932)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành năm 2022	-	-	-	(2.016.075.586)	(2.016.075.586)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2022	-	-	20.160.755.865	(20.160.755.865)	-
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	56.495.995.580	56.495.995.580
Trích quỹ đầu tư phát triển trong kỳ trước	-	-	411.302.486	(411.302.486)	-
Trích quỹ khen thưởng trong kỳ trước	-	-	-	(822.604.973)	(822.604.973)



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>3.350.161.370</b>	<b>57.368.495.059</b>	<b>61.760.601.893</b>	<b>352.479.258.322</b>
Số dư đầu kỳ này	230.000.000.000	3.350.161.370	58.010.421.630	106.784.504.444	398.145.087.444
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2023	-	-	20.361.764.706	(20.361.764.706)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(10.180.882.353)	(10.180.882.353)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(2.036.176.471)	(2.036.176.471)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(69.230.000.000)	(69.230.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2023	-	-	20.361.764.706	(20.361.764.706)	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	40.107.186.409	40.107.186.409
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận kỳ này	-	-	87.687.505	(87.687.505)	-
Trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận kỳ này	-	-	-	(175.375.011)	(175.375.011)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>3.350.161.370</b>	<b>78.459.873.841</b>	<b>44.819.804.807</b>	<b>356.629.840.018</b>

**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	117.300.000.000	117.300.000.000
Các cổ đông khác	112.700.000.000	112.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>230.000.000.000</b>	<b>230.000.000.000</b>

**19c. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Tập đoàn đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2024, chi tiết như sau:

	<b>Số tiền (VND)</b>
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 87.687.505
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 175.375.011
<b>Cộng</b>	<b>263.062.516</b>

**20. Nguồn kinh phí**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	1.389.094	(6.342.130)
Nguồn kinh phí được cấp	-	150.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi sự nghiệp	-	(59.135.900)
Số cuối kỳ	<u>1.389.094</u>	<u>84.521.970</u>

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất***Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chi có 277.958,31 USD (số đầu năm là 236.646,98 USD).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	469.141.721.602	486.606.732.904	827.459.159.188	1.119.233.715.486
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.347.893.449	2.390.322.894	5.181.774.037	5.150.658.313
<b>Cộng</b>	<u><b>471.489.615.051</b></u>	<u><b>488.997.055.798</b></u>	<u><b>832.640.933.225</b></u>	<u><b>1.124.384.373.799</b></u>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	473.435.261.741	649.221.739.713
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	35.367.151.850	60.135.990.185
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	93.040.518	24.797.443.500
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	2.252.685.670	1.483.736.500
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	1.681.690.745	2.243.151.000
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	558.995.500	686.462.900
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	1.715.571.200	-

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Số kỳ trước là khoản chiết khấu thương mại phát sinh.

**3. Giá vốn hàng bán**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	374.809.667.027	379.317.267.477	661.546.216.389	888.222.634.270



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.784.149.634	1.957.030.352	3.264.235.834	3.619.934.261
<b>Cộng</b>	<b>376.593.816.661</b>	<b>381.274.297.829</b>	<b>664.810.452.223</b>	<b>891.842.568.531</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	317.027.676	1.400.435.509	592.746.394	3.128.198.290
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.092.366	-	27.630.546	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	157.126.878	-	157.126.878	-
<b>Cộng</b>	<b>475.246.920</b>	<b>1.400.435.509</b>	<b>777.503.818</b>	<b>3.128.198.290</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.134.697.633	1.252.438.673	2.557.324.069	3.358.445.629
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	797.106.492	731.937.934	953.710.003
<b>Cộng</b>	<b>1.134.697.633</b>	<b>2.049.545.165</b>	<b>3.289.262.003</b>	<b>4.312.155.632</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.241.926.275	13.342.335.754	12.442.572.754	28.488.669.949
Chi phí vật liệu, bao bì	1.305.524.266	355.942.802	2.713.620.974	709.454.530
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	369.998.385	1.712.240.636	670.647.116	3.825.370.217
Chi phí khấu hao tài sản cố định	270.787.090	278.632.786	550.770.353	517.188.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.119.973.398	13.216.310.743	23.589.530.705	33.092.991.870
Các chi phí khác	26.929.502.874	11.258.415.577	39.299.341.898	22.808.903.529
<b>Cộng</b>	<b>49.237.712.288</b>	<b>40.163.878.298</b>	<b>79.266.483.800</b>	<b>89.442.578.699</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.874.105.283	16.212.928.104	24.314.037.250	34.449.646.103
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	970.280.087	1.500.755.614	2.547.161.893	2.635.650.829
Chi phí khấu hao tài sản cố	421.427.648	143.494.174	801.957.000	286.988.350

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	định			
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.249.735.394	3.568.070.509	8.246.115.128	6.919.582.154
Các chi phí khác	128.817.000	260.400.000	206.457.000	268.400.000
<b>Cộng</b>	<b>18.644.365.412</b>	<b>21.685.648.401</b>	<b>36.115.728.271</b>	<b>44.560.267.436</b>

**8. Thu nhập khác**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Nhập nguyên liệu thừa	-	186.539.100	34.354.977
Hàng hóa được biểu, tặng	179.278.551	1.103.621.779	308.002.155	1.140.998.000
Thu nhập khác	84.302.000	135.534.017	132.027.624	135.534.017
<b>Cộng</b>	<b>263.580.551</b>	<b>1.425.694.896</b>	<b>474.384.756</b>	<b>1.580.567.617</b>

**9. Chi phí khác**

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Chi phí quảng cáo	-	1.191.512.000	-
Tiền thuế, lãi chậm nộp thuế	50.163.739	1.297.725.183	50.163.739	1.297.725.183
Các khoản chi phí khác	102.682.986	43.569.202	131.531.000	45.814.650
<b>Cộng</b>	<b>152.846.725</b>	<b>2.532.806.385</b>	<b>181.694.739</b>	<b>2.535.051.833</b>

**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	40.107.186.409	56.495.995.580
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	(5.004.669.878)	(7.161.758.469)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	35.102.516.531	49.334.237.111
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	23.000.000	23.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.526</b>	<b>2.145</b>

**10b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định	6.425.601.235	14.246.149.164
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	766.110.034	7.915.690.041

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh V.15.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt thực hiện theo quy định của Công ty.

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	Công ty do Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa</i></b>		
Công ty chi cổ tức năm trước	35.307.300.000	34.955.400.000
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	24.958.862.359	8.979.462.233
Công ty phải trả chi phí gia công yến nguyên liệu	-	12.736.515.000
Chi phí thuê đất cụm công nghiệp Sông Cầu	7.180.022.850	7.180.022.850
Công ty phải trả chi phí dịch vụ	644.442.269	383.044.545
Chiết khấu bán hàng	5.543.104.752	23.457.550.223
<b><i>Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa</i></b>		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	36.587.647.176	56.715.972.100
<b><i>Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa</i></b>		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	25.631.947	-
<b><i>Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa</i></b>		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	1.022.645.115	919.166.083
<b><i>Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land</i></b>		
Công ty mua hàng hóa	23.411.112	-
<b><i>Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist</i></b>		
Công ty phải trả chi phí dịch vụ, vận chuyển	-	528.663.636
Công ty mua hàng hóa	102.710.648	51.477.272
<b><i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam</i></b>		
Công ty mua nhiên liệu	7.702.487.139	9.698.060.860
<b><i>Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa</i></b>		



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty mua hàng hóa	-	29.322.234
<i>Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa</i>		
Chi phí sử dụng dịch vụ	62.355.256	37.970.635

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.11 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ Yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 7 năm 2024

 _____ <b>Phạm Thị Duy Trinh</b> Kế toán trưởng	 _____ <b>Phan Thị Giang</b> Tổng Giám đốc	  _____ <b>Nguyễn Khoa Bảo</b> Chủ tịch Hội đồng quản trị Người đại diện theo pháp luật
---	--	--